

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HS-ST
Ngày: 18-3-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du;
2. Bà Trương Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HS ngày 06/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Phạm Thu T, sinh ngày 29/5/1994, tại tỉnh Sóc Trăng, Chứng minh nhân dân: 366043402. Nơi ĐKKHKT: Số F, đường T, khóm H, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Toàn Q và bà Phạm Mỹ L; Bị cáo chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 24/10/2024 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Liêu Anh K, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số C, đường C, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phạm Thu T, sinh năm 1994 trú tại: Số F, đường T, khóm H, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1996, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp có mối quan hệ đồng

tính nữ, cùng chung sống tại phòng trọ số 1, nhà trọ Nguyễn Văn T1, địa chỉ tại số A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 09 giờ ngày 27/02/2019, trong lúc T và chị N đang ở phòng trọ thì T hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-đỏ, biển số 66B1-470.92 của chị N đi công việc thì chị N đồng ý và trong cốp xe mô tô của chị N có Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Sau khi mượn được xe mô tô của chị N, T đã đem xe mô tô trên đến tiệm C, địa chỉ tại số C, đường C, tổ B, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương cầm cho chủ tiệm là ông Liêu Anh K được số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng). Khi cầm xe mô tô, T nói với ông K xe mô tô trên của chị N là người yêu T và chị N bận việc nên T đem xe mô tô đi cầm. Sau khi cầm xe, T nhắn tin cho chị N biết là đã đem xe mô tô của chị N đến cầm tại tiệm C rồi T bỏ trốn. Ngày 01/3/2019, chị N đến Công an phường P, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc. Sau đó, Công an phường P lập hồ sơ vụ việc, thu giữ vật chứng là xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-đỏ, biển số 66B1-470.92 và chuyển giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 23/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Phạm Thu T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 27/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định truy nã. Ngày 24/10/2024, Lê Phạm Thu T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bắt theo quyết định truy nã.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-đỏ, biển số 66B1-470.92, trị giá 31.000.000đồng (ba mươi một triệu đồng).

Ngày 18/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã lập biên bản giao trả xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-đỏ, biển số 66B1-470.92 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N. Chị N không có yêu cầu gì khác đối với Lê Phạm Thu T.

Quá trình phục hồi điều tra, Lê Phạm Thu T thừa nhận hành vi lợi dụng sự tin tưởng của chị Nguyễn Thị Quỳnh N cho mượn xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-đỏ, biển số 66B1-470.92 để làm phương tiện đi lại nhưng T đã đem đi cầm lấy số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) tiêu xài cá nhân và bỏ trốn.

Đối với ông Liêu Anh K, do khi nhận cầm xe mô tô của Lê Phạm Thu T thì ông K không biết xe mô tô trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề cập xử lý. Hiện tại, ông K yêu cầu Lê Phạm Thu T trả lại số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) mà ông K đã bỏ ra cầm xe mô tô cho T.

Cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 14/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Lê Phạm Thu T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Phạm Thu T mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Liêu A Kiệt yêu cầu bị cáo Lê Phạm Thu T trả lại số tiền 15.000.000đồng, bị cáo đồng ý trả lại số tiền 15.000.000đồng cho ông Liêu Anh K, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ, cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 27/02/2019, tại nhà trọ Nguyễn Văn T1, địa chỉ tại số A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Phạm Thu T đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Nguyễn Thị Quỳnh N cho mượn xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-đỏ, biển số 66B1-470.92, trị giá 31.000.000đồng (ba mươi một triệu đồng) để làm phương tiện đi lại nhưng bị cáo T đã chiếm đoạt xe mô tô trên của bị hại N đem đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân và bỏ trốn. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo T theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi mà bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi, hoàn trả cho bị hại, bị cáo phạm tội thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Liêu A Kiệt yêu cầu bị cáo Lê Phạm Thu T trả lại số tiền 15.000.000đồng; bị cáo T đồng ý trả lại số tiền 15.000.000đồng cho ông Liêu Anh K, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Phạm Thu T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Phạm Thu T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc bị cáo Lê Phạm Thu T trả lại cho ông Liêu A Kiệt số tiền 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phân trại tạm giam Thủ Dầu Một thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh BD;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

Nguyễn Thanh Phong